

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ LÁCH
TỈNH BẾN TRE

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 65/2023/HNGĐ - ST

Ngày: 20/03/2023.

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ LÁCH, TỈNH BẾN TRE

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Ngọc Tú.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Gia Ảnh.

2. Bà Dương Thị Mỹ Trân.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Hoài - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Lách tham gia phiên tòa:**
Ông Nguyễn Văn Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 29/2023/TLST - HNGĐ ngày 07 tháng 02 năm 2023 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2023/QĐXXST - HNGĐ ngày 23 tháng 02 năm 2023 giữa các đương sự:

* **Nguyên đơn:** Chị Lê Thị Kim N - Sinh năm: 1990; địa chỉ: ấp AT, xã APT, huyện BT, tỉnh Bến Tre.

* **Bị đơn:** Anh Trần Văn T - Sinh năm: 1985; địa chỉ: ấp PĐ, xã PP huyện CL, tỉnh Bến Tre.

Các đương sự có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn trình bày:

Về hôn nhân: Năm 2012, chị Lê Thị Kim N và anh Trần Văn T có tiền đến hôn nhân, hôn nhân giữa anh chị là tự nguyện, anh chị có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán và có đăng ký kết hôn tại UBND xã PP, huyện CL, tỉnh Bến Tre vào ngày 15/8/2012.

Sau khi kết hôn anh chị sống hạnh phúc được vài năm thì phát sinh mâu thuẫn mà nguyên nhân là do cuộc sống chung có nhiều bất đồng quan điểm, anh T không lo cho gia đình, anh hay cờ bạc dẫn đến mắc nợ. Từ đó giữa anh chị thường xảy ra cãi vã và đã sống ly thân từ tháng 02/2022 cho đến nay.

Cho rằng tình cảm vợ chồng là không còn, không thể hàn gắn để đoàn tụ. Vì vậy, chị N yêu cầu được ly hôn với anh T. Chị không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng sau khi ly hôn.

Về con chung: Anh chị có 02 người con chung là Trần Minh K - Sinh ngày: 16/8/2013 và Trần Minh T - Sinh ngày: 28/9/2018. Hiện nay 02 con đang sống với chị. Sau khi ly hôn chị yêu cầu được tiếp tục nuôi 02 con chung.

Trong đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, chị N có yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con hàng tháng với mức cấp dưỡng là 1.500.000đồng/người/tháng cho đến khi con chung tròn 18 tuổi. Tại phiên tòa chị N thay đổi ý kiến, chị không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi sống ly thân thì chị đi làm ở tỉnh Bình Dương, làm trong công ty may gia công Giày. Hiện nay chị đã về quê, đi làm tại địa phương để tiện việc chăm sóc 02 con.

Về tài sản chung, về nợ chung: Không có.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn trình bày:

Trước đây anh có chơi cờ (cờ bạc) nên vợ chồng có mâu thuẫn, vợ chồng anh đã sống ly thân hơn 01 năm nay. Hiện tại anh làm tài xế xe tải chạy tuyến thành phố Hồ Chí Minh - Đà Lạt, thu nhập mỗi tháng khoảng 16.000.000đồng. mặc dù sống ly thân, không gần 02 con nhưng hàng tháng anh vẫn gửi cho chị Ngân khoảng 4.000.000đồng để lo cho 02 con. Do còn thương vợ, thương con nên anh không đồng ý ly hôn mà mong muốn đoàn tụ.

Trường hợp Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Ngân thì anh yêu cầu được nuôi con chung. Việc được nuôi 01 hay cả 02 người con sẽ do Tòa án quyết định.

Trường hợp chỉ được nuôi cháu Trần Minh T - Sinh ngày: 28/9/2018 thì anh đồng ý để cháu T sống với chị N thêm 10 năm để 02 anh em gần gũi nhau. Sau 10 năm anh sẽ bắt cháu T lại.

Về tài sản chung, về nợ chung: Không có.

Phát biểu ý kiến của Kiểm sát viên:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã tiến hành giải quyết vụ án theo đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng về trình tự, thủ tục tố tụng.

Về quan điểm giải quyết vụ án:

Về hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nn đối với anh T.

Về con chung: Giao cháu Trần Minh K - Sinh ngày: 16/8/2013 và Trần Minh T - Sinh ngày: 28/9/2018 cho chị N tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng.

Do tại phiên tòa nguyên đơn rút yêu cầu về việc cấp dưỡng nuôi con nên cần đình chỉ.

Về tài sản, về nợ: Chị N, anh T khai không có nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào diễn biến tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:* Đây là vụ án “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Do các bên tranh chấp và nguyên đơn có đơn khởi kiện nên Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền và phù hợp với quy định khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về hôn nhân:* Việc kết hôn giữa chị Lê Thị Kim N và anh Trần Văn T là tự nguyện, anh chị có đăng ký kết hôn tại UBND xã PP, huyện CL, tỉnh Bến Tre vào ngày 15/8/2012. Đây là hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ. Tuy nhiên, sau khi kết hôn và chung sống hạnh phúc một thời gian thì đời sống hôn nhân có nhiều mâu thuẫn và anh chị đã sống ly thân hơn 01 năm nay.

Trong quá trình giải quyết vụ án, chị N kiên quyết ly hôn với anh T. Anh T không đồng ý ly hôn nhưng anh cũng thừa nhận mâu thuẫn giữa anh chị kéo dài trong nhiều năm và hơn 01 năm nay anh chị đã sống ly thân. Từ khi sống ly thân

đến nay giữa anh chị không có sự quan tâm đến nhau mà mạnh ai nấy sống. Từ đó cho thấy, hôn nhân giữa anh chị đã trở nên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị N đối với anh T là phù hợp.

[3] *Về con chung*: Anh chị có 02 người con chung là Trần Minh K - Sinh ngày: 16/8/2013 và Trần Minh T - Sinh ngày: 28/9/2018, hiện nay 02 con đang sống với chị N. Cả anh T và chị N đều có nguyện vọng được nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy:

Do cháu Trần Minh K đang sống với chị N và cháu có nguyện vọng tiếp tục sống với chị. Do vậy, cần giao cháu K cho chị N tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

Đối với cháu Trần Minh T hiện tại cháu còn nhỏ, cháu cần sự quan tâm, chăm sóc. Trong khi đó anh T làm nghề tài xế, anh ít có thời gian chăm sóc con. Bản thân chị N hiện nay làm việc tại địa phương, chị có thu nhập ổn định và có điều kiện để chăm sóc con tốt hơn anh T. Do vậy, cần giao cháu T cho chị N tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

Trong quá trình giải quyết vụ án, chị N có yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Tại phiên tòa chị N thay đổi ý kiến, chị không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, đây là sự tự nguyện của chị nên ghi nhận.

[4] *Về tài sản, về nợ*: Chị N, anh T khai không có nên không xem xét giải quyết.

[5] Xét đề nghị của Kiểm sát viên là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6] *Về án phí*: Các đương sự phải nộp án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 56, 58, 81, 82, 83, 84, 85, 86 của Luật hôn nhân và gia đình;

Các điều 147, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Điều 26, 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chị Lê Thị Kim N được ly hôn với anh Trần Văn T.

2. Về con chung: Giao cháu Trần Minh K - Sinh ngày: 16/8/2013 và Trần Minh T - Sinh ngày: 28/9/2018 cho chị N tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, hiện nay con đang sống với chị N.

Ghi nhận việc chị N không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con mà không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lợi dụng việc thăm con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm con của người không trực tiếp nuôi con.

Vì lợi ích của con chung cha, mẹ hoặc cơ quan có thẩm quyền có quyền yêu cầu Tòa án quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản, về nợ: Chị N, anh T khai không có nên không xem xét giải quyết.

4. Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn phải nộp 300.000đồng (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đồng (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí lệ phí Tòa án số 0001578 ngày 06/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre. Nguyên đơn đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Chợ Lách;
- Chi cục THADS huyện Chợ Lách;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- UBND xã (nơi cấp giấy chứng nhận kết hôn);
- Lưu hsva, Vp.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký tên và đóng dấu)

Dương Ngọc Tú